

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I - Phố Nối”**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 5819/ EVNNPT-ĐT ngày 8 tháng 12 năm 2023 của Tổng công ty Truyền tải Điện Quốc gia về việc trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I - Phố Nối” và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I - Phố Nối” (sau đây gọi là Dự án) thực hiện tại các tỉnh: Nam Định, Thái Bình, Hải Dương và Hưng Yên của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh: Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên;
- Sở TNMT các tỉnh: Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên;
- Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;
- Lưu: VT, VPMC, MT_{LTH}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐƯỜNG DÂY 500KV NMNĐ NAM ĐỊNH I - PHỐ NỔI”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I - Phố Nổi.

- Địa điểm thực hiện Dự án:

+ Đường dây 500kV nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) Nam Định I - Phố Nổi đi qua 65 xã thuộc 14 huyện/thị xã của 04 tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hải Dương và Hưng Yên (bao gồm các huyện: Hải Hậu, Trực Ninh, Nghĩa Hưng, Nam Trực, tỉnh Nam Định; các huyện: Vũ Thư, Đông Hưng, Hưng Hà, Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; các huyện: Ninh Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, Bình Giang, tỉnh Hải Dương và thị xã Mỹ Hào, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

+ Mở rộng ngăn lộ trạm biến áp (TBA) 500kV Phố Nổi nằm trong diện tích đất dự phòng trong hàng rào TBA 500kV Phố Nổi hiện hữu thuộc xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Chủ dự án: Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia; địa chỉ liên hệ: số 18 Trần Nguyên Hãn, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Xây dựng tuyến đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I - Phố Nổi 02 mạch và 04 mạch, tổng chiều dài 126,8 km, 332 vị trí móng trụ điện với diện tích chiếm đất vĩnh viễn 36,53 ha (điểm đầu bắt đầu từ sân phân phối 500kV NMNĐ Nam Định I thuộc huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và điểm cuối là thanh cái 500kV TBA 500kV Phố Nổi thuộc huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

- Mở rộng 02 ngăn lộ trạm biến áp 500kV Phố Nổi trên diện tích đất dự phòng sẵn trong khuôn viên TBA 500kV Phố Nổi hiện hữu thuộc xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Quy mô gồm lấp đất thiết bị cho 02 ngăn lộ đường dây tại TBA 500kV Phố Nổi.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công, 04 nhà quản lý vận hành hiện hữu của các đơn vị quản lý vận hành.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án:

- Tuyến đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I - Phố Nổi:

+ Cấp điện áp: 500kV; số mạch: 02 mạch (đường dây 500kV) và 04 mạch

(gồm 02 mạch đường dây 500kV và 02 mạch đường dây 110kV).

+ Chiều dài tuyến: 126,8 km, trong đó: đường dây 02 mạch 500kV khoảng 124,95 km; đường dây 04 mạch đi chung (02 mạch đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I - Phó Nối và 02 mạch đường dây 110kV Phó Cao - Thanh Miện - Hải Dương) khoảng 1,85 km (điểm đầu: cột cổng 500kV tại sân phân phối NMNĐ Nam Định I; điểm cuối: cột cổng 500kV tại TBA 500kV Phó Nối).

+ Giải pháp về cột: sử dụng cột thép hình, thép ống tháp mạ kẽm gồm 332 cột; giải pháp về móng: dùng móng bản và móng cọc bằng bê tông cốt thép đúc tại chỗ; giải pháp nối đất: sử dụng tiếp địa cọc tia.

+ Loại dây dẫn điện: sử dụng dây nhôm lõi thép, phân pha 4xACSR 330/43 cho khoảng cột bình thường; dây hợp kim nhôm lõi thép 4xAACSR 491 cho các khoảng vượt sông Ninh Cơ, sông Hồng, sông Luộc, sông Cửu An và một số đoạn vượt đường quốc lộ, vượt đường dây 220kV, đường dây 110kV có khoảng cột lớn.

+ Loại dây chống sét và cáp quang: dây chống sét hợp kim nhôm lõi thép PHLOX-116 và dây cáp quang kết hợp chống sét OPGW-90 và thông tin liên lạc; dây cáp thép GSW-120 và dây cáp quang OPGW-140 cho các đoạn tuyến vượt sông Ninh Cơ, sông Hồng, sông Luộc, sông Cửu An.

+ Hành lang tuyến có phạm vi từ dây ngoài cùng ra mỗi bên là 7 m, chiều rộng hành lang tuyến trung bình khoảng 32 m.

- Mở rộng 02 ngăn lộ 500kV tại TBA 500kV Phó Nối: cột, xà thép, trụ đỡ thiết bị và hệ thống mương cáp; lắp đặt thiết bị cho 02 diameter (gồm 01 máy cắt/diameter) cho các ngăn lộ đường dây 500kV đi Nhiệt điện Nam Định I tại ngăn dự phòng đất diameter B01/B12 và B02/B11.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ:

Vị trí bãi tập kết nguyên, nhiên vật liệu phục vụ thi công, xây dựng tại 09 phân đoạn thi công:

- Phân đoạn 1: từ ĐĐ - G8 dài $L1 = 13,298$ km đóng tại gần G5 thuộc xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Phân đoạn 2: từ G8 - G16 dài $L2 = 14,509$ km đóng tại gần G15 thuộc xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Phân đoạn 3: từ G16 - G21A dài $L3 = 18,477$ km đóng tại gần G19 thuộc xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Phân đoạn 4: từ G21A - G26 dài $L4 = 11,467$ km đóng tại gần G24A thuộc Xã Song Lãng, Huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Phân đoạn 5: từ G26 - G33A dài $L5 = 14,552$ km đóng gần G32 thuộc xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Phân đoạn 6: từ G33A - G41B dài $L6 = 15,635$ km đóng gần G39 thuộc xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Phân đoạn 7: từ G41B - G48A3 dài L6 = 18,871 km đóng gần G47 thuộc xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Phân đoạn 8: từ G48A3 - ĐC dài L6 = 10,589 km đóng gần G50 thuộc phường Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Phân đoạn 9: thi công mở rộng ngăn lộ, đóng tại TBA 500kV Phó Nối thuộc xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

Dự án có 9 cung đoạn thi công, tại mỗi cung đoạn thi công bố trí:

- 01 nhà vệ sinh di động loại có kích thước: dài \times rộng \times cao = 1,3 m \times 0,9 m \times 2,5 m.

- 05 thùng rác loại 03 ngăn (để chứa riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn sinh hoạt khác) dung tích mỗi ngăn 20 lít.

- 02 thùng chuyên dụng (để chứa chất thải nguy hại) dung tích 120 lít/thùng, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi 30,14 ha đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Dự án có yêu cầu di dời 171 nhà dân (ra khỏi hành lang tuyến) theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Việc thi công, xây dựng các hạng mục công trình Dự án phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung; chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn; tác động đến đa dạng sinh học, hoạt động giao thông, ảnh hưởng tới các hộ dân bị mất đất, có nhà cửa để phục vụ Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Điện từ trường xung quanh thiết bị truyền dẫn điện cao áp ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và ảnh hưởng đến hệ thống thông tin.

- Sự cố ngã và đổ trụ điện, đứt dây điện, sự cố điện giật, sự cố sét đánh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh (tại mỗi phân đoạn thi công) với lưu lượng khoảng 3,0 m³/ngày.đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, SS, BOD₅, sunfua, phosphat, nitrat, amoni, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 4,7 m³/ngày.đêm (tại mỗi vị trí móng cột); thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng.

b) Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt phát sinh (tại mỗi nhà vận hành) với lưu lượng khoảng 0,8 m³/ngày.đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, SS, BOD₅, sunfua, phosphat, nitrat, amoni, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công, đào đắp các vị trí móng trụ điện.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tại mỗi phân đoạn thi công) với khối lượng khoảng 22,5 kg/ngày đêm; thành phần chủ yếu gồm: các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn sinh hoạt khác.

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân vận hành thuộc các đơn vị truyền tải hiện hữu, phát sinh không đáng kể trong quá trình duy tu, bảo dưỡng đường dây.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 253.151 m³, trong đó: 75.346 m³ đất bóc tầng mặt của đất trồng lúa và 177.805 m³ đất đào.

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn thông thường phát sinh với khối lượng khoảng 30 - 50 kg/tháng; thành phần chủ yếu: các phụ kiện, thiết bị thay thế do hư hỏng trên tuyến đường dây.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 5 kg/tháng (trên mỗi phân đoạn thi công); thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu, mỡ, sơn, vỏ thùng sơn, bao bì dính dầu mỡ, đèn chiếu sáng hư hỏng.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vận hành thiết bị thi công của Dự án.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

Không phát sinh độ rung, có phát sinh tiếng ồn do cảm ứng điện nhưng không đáng kể.

Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong quá trình triển khai Dự án.

3.4. Quy mô, tính chất của các tác động môi trường khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Tác động đến sinh kế, tâm lý và đời sống của người dân do thu hồi đất, giải phóng mặt bằng.

- Tác động đến tài nguyên sinh vật, hệ sinh thái trên cạn do chuyển mục đích sử dụng đất, giải phóng mặt bằng.

- Tác động do xảy ra rủi ro, sự cố trong quá trình xây dựng Dự án.

3.4.2. Giai đoạn vận hành:

Ảnh hưởng tới sức khỏe, điều kiện sinh hoạt của con người trong hành lang tiếp địa do điện từ trường, dòng cảm ứng, tiếng ồn từ hiện tượng phóng điện vàng quang.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: tại mỗi phân đoạn bố trí 01 nhà vệ sinh di động (kích thước 0,95 m x 1,3 m x 2,5 m nguyên khối đồng bộ) có bể chứa chất thải dung tích 1.200 lít và bồn nước dung tích 900 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: tại mỗi vị trí thi công móng cột bố trí 01 hố lắng tạm với dung tích khoảng 5,0 m³ để thu gom và lắng chất lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Nước mưa chảy tràn tại vị trí thi công móng cột: đào rãnh thoát nước (kích thước chiều sâu x chiều rộng đáy x chiều rộng bề mặt = 0,5 m x 0,5 m x 0,8 m; kích thước hố ga: chiều rộng x chiều dài x chiều sâu = 1 m x 1 m x 1 m); bố trí các hố thu nước kết hợp lắng dọc theo chiều dài rãnh để tách chất rắn lơ lửng có kích thước lớn bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn trên công trường trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

+ Nước mưa chảy tràn tại 09 bãi tập kết nguyên vật liệu, thiết bị thi công: thực hiện thu gom, tập kết chất thải, nguyên vật liệu đúng nơi quy định; vệ sinh môi trường công trường, kho bãi, trang thiết bị hàng ngày; thường xuyên khai thông các khe tụ thủy tự nhiên quanh khu vực kho bãi bảo đảm thoát hết nước mưa trên bề mặt kho bãi.

b) Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt của công nhân vận hành phát sinh được thu gom và lưu giữ, xử lý theo quy định tại 04 nhà quản lý vận hành hiện hữu của các đơn vị quản lý vận hành.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt bảo đảm các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường, phương tiện chuyên chở vật liệu thi công phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định về đăng kiểm, an toàn kỹ thuật và môi trường; định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh các phương tiện, máy móc phục vụ thi công; chở đúng trọng tải; che phủ bạt kín phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu khi vận chuyển, không để rơi vãi vật liệu.

- Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

- Che chắn khu vực chứa vật liệu, khu vực công trường; tập kết nguyên vật liệu gọn gàng.

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, dứt điểm theo từng khu vực; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 01 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

- Thường xuyên phun nước, duy trì độ ẩm cao trên bề mặt công trường, bãi chứa nguyên vật liệu, các đoạn đường giao thông vận chuyển nguyên vật liệu vào những ngày không có mưa; sử dụng vòi phun tiêu chuẩn để bề mặt tưới được làm ẩm đều, không gây đọng nước, mất vệ sinh với tần suất 01 lần/ngày, tăng tần suất vào mùa khô, mùa gió.

b) Giai đoạn vận hành:

Các phương tiện, máy móc phục vụ duy tu, bảo dưỡng đường dây phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định về đăng kiểm, an toàn kỹ thuật và môi trường; định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh các phương tiện, máy móc phục vụ vận hành.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 02 thùng rác chuyên dụng để thu gom, phân loại toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt (tại mỗi phân đoạn thi công); hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải xây dựng:

+ Thục bì (sinh khối), đất đá đào: được tận dụng, tái sử dụng tối đa cho mục đích phù hợp theo quy định; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước: được thu gom, lưu trữ tạm trên phần diện tích đất sử dụng tạm lân cận vị trí thi công, tận dụng để trồng cỏ chống xói mòn, sạt lở móng bảo đảm quy định tại Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác (Nghị định số 94/2019/NĐ-CP) và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (Nghị định số 10/2023/NĐ-CP).

b) Giai đoạn vận hành:

Phân loại, thu gom, lưu chứa chất thải thông thường phát sinh tại 04 nhà quản lý vận hành hiện hữu của các đơn vị quản lý vận hành, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình triển khai Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Tại mỗi phân đoạn thi công, bố trí 02 thùng chứa chất thải 120 lít có nắp đậy kín, có gắn nhãn, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Phân loại, thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh tại kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, giám sát, quản lý bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ

hoạt động của Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các máy móc, thiết bị đạt đăng kiểm; các thiết bị, máy móc được lắp đặt đúng quy cách, lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên theo quy định.

- Định kỳ bảo dưỡng và bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường có liên quan khác.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giảm thiểu tác động do việc sử dụng đất của dự án:

- Với diện tích đất thu hồi vĩnh viễn: phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng của địa phương thực hiện tốt chính sách của Nhà nước về bồi thường, giải phóng mặt bằng để đảm bảo cuộc sống của các hộ dân bị ảnh hưởng sớm được ổn định.

- Với diện tích đất sử dụng tạm thời: phối hợp chính quyền địa phương, thỏa thuận, thống nhất hình thức thuê mượn đất, bồi thường cây cối hoa màu trên đất với các hộ gia đình có đất thuộc phạm vi sử dụng tạm; hoàn trả nguyên trạng mặt bằng theo đúng quy định sau khi hoàn thành thi công.

- Với diện tích đất trong hành lang an toàn (không bao gồm móng trụ): phối hợp chính quyền địa phương các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hải Dương và Hưng Yên thực hiện hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất theo đúng quy định.

4.4.2. Giảm thiểu tác động do việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa:

- Thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang mục đích phi nông nghiệp và thực hiện nghĩa vụ nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

- Thực hiện xây dựng phương án sử dụng đất bóc tầng mặt, thực hiện biện pháp bảo vệ và sử dụng đất bóc tầng mặt của đất trồng lúa theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

4.4.3. Giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông:

- Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa; không chuyên chở quá tải trọng cho phép; trang bị các thiết bị an toàn như còi báo, đèn chiếu sáng. Bố trí các biển báo cảnh báo tại các vị trí dễ quan sát,

đèn chiếu sáng ban đêm tại công trình.

- Trong thời điểm thi công bố trí cán bộ tổ chức chỉ dẫn giao thông đường bộ, đường thủy cho các phương tiện qua lại khu vực thi công đảm bảo an toàn, giao thông trên tuyến được thông suốt, không gây tắc nghẽn.

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ Dự án.

4.4.4. Giảm thiểu sự cố sạt lở, sụt lún, bồi lắng:

- Thi công đúng theo thiết kế, sử dụng nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn để thi công công trình.

- Bố trí cán bộ, nhân viên thường xuyên kiểm tra công trình nhằm phát hiện ra các nguy cơ gây sạt lở, sụt lún công trình hoặc các vị trí có khả năng bồi lấp gây ngập úng đặc biệt trong các thời điểm có điều kiện thời tiết bất thường.

- Trong quá trình thi công nếu xuất hiện hiện tượng hoặc nguy cơ xói lở, đơn vị thi công phải tạm dừng thi công để xem xét đánh giá mức độ ảnh hưởng và có biện pháp xử lý phù hợp. Hạn chế hoạt động thi công khi có mưa lớn, thời tiết bất thường.

- Rà soát, lắp biển cảnh báo và thường xuyên kiểm tra các khu vực có nguy cơ sạt lở.

4.4.5. Giảm thiểu các tác động điện trường và tác động môi trường liên quan khác:

- Thường xuyên kiểm tra chiều cao treo dây tñnh không đoạn võng nhất của đường dây giữa 02 khoảng cột liên kề so với mặt đất theo quy định của ngành điện; khi chiều cao tñnh không không đạt yêu cầu tiến hành căng dây, bảo dưỡng để đảm bảo chiều cao treo dây tối thiểu như quy định.

- Thực hiện đo đạc, kiểm tra định kỳ khoảng cách an toàn phóng điện tại điểm giao chéo với đường bộ, đường dây điện lực, gần khu dân cư để có biện pháp giảm thiểu đảm bảo theo quy định.

- Lắp đặt hệ thống tiếp địa tại nhà cửa/vật kiến trúc ngoài hành lang an toàn, phạm vi từ từ mép dây dẫn ngoài cùng hoặc dưới cùng ta mỗi bên 60 m theo đúng quy định.

- Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa; không chuyên chở quá tải trọng cho phép; trang bị các thiết bị an toàn như còi báo, đèn chiếu sáng. Bố trí các biển báo cảnh báo tại các vị trí dễ quan sát, đèn chiếu sáng ban đêm tại công trình.

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ Dự án.

- Trong thời điểm thi công bố trí cán bộ tổ chức chỉ dẫn giao thông đường bộ, đường thủy cho các phương tiện qua lại khu vực thi công đảm bảo an toàn, giao thông trên tuyến được thông suốt, không gây tắc nghẽn.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động: Tuân thủ đúng quy trình thi công các hạng mục công trình; hợp đồng với các đơn vị chuyên ngành tiến hành dò tìm, xử lý bom mìn, vật liệu nổ trên toàn bộ khu vực Dự án để phòng tránh tai nạn lao động; lắp đặt các biển hiệu cảnh báo nguy hiểm, quy định tốc độ để hạn chế tai nạn giao thông.

- Sự cố cháy nổ: Tất cả công nhân viên trước khi thi công được tập trung phổ biến, thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống cháy nổ.

- Sạt lở đất đá trong giai đoạn thi công: Thường xuyên theo dõi cảnh báo khí tượng thủy văn; không thi công trong thời gian có mưa lũ; cấm biển báo tại nơi có nền địa chất yếu, dễ xảy ra sạt lở. Giám sát các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển sạt lở đất đá; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để cùng phối hợp ứng phó sự cố.

- Sạt lở đất đá trong giai đoạn vận hành: Thường xuyên theo dõi, giám sát sạt lở, sụt lún dọc tuyến đường dây và các vị trí móng cột; kiểm tra công trình trước, trong và sau mùa mưa bão để có biện pháp khắc phục phù hợp.

- Sự cố thiên tai: Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống thiên tai trước mùa mưa bão; thường xuyên liên lạc với Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tại địa phương để cập nhật thông tin, phối hợp triển khai các phương án phòng chống.

- Tuân thủ đúng quy định về sử dụng, vận hành các trang thiết bị, máy móc thi công; tuyên truyền các thông tin về vệ sinh, an toàn lao động cho cán bộ, công nhân viên; lắp hàng rào, biển báo tại các khu vực nguy hiểm.

- Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn thiết kế khi thi công Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Giám sát việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao để xử lý các loại chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

b) Giám sát bụi, tiếng ồn, độ rung:

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, độ rung.

- Vị trí giám sát: vị trí thi công có phát sinh bụi, tiếng ồn cao gây ảnh hưởng đến hoạt động sinh sống của người dân (VT1, VT2, VT4, VT8, VT9, VT34, VT49, VT56, VT95, VT107, VT132, VT201, VT235, VT237, VT293, VT295, VT298 và VT312).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giai đoạn vận hành

Giám sát điện từ trường: vị trí giám sát, thông số giám sát, tần suất giám sát được thực hiện theo quy định của pháp luật về điện lực, an toàn điện.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

a) Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

b) Chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành các thủ tục về đầu tư và xây dựng công trình điện, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất công trình năng lượng theo quy định hiện hành và hoàn thành công tác đền bù, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng phương án sử dụng đất bóc tầng mặt của đất trồng lúa trong quá trình chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP; bảo đảm phù hợp với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu tại Quyết định này.

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về bảo tồn đa dạng sinh học, đất đai, xây dựng, an toàn điện, phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy, giao thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

đ) Thiết kế các công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường và các giải pháp thi công phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận để đảm bảo an toàn và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

e) Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan; phối hợp với đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

g) Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để bảo đảm việc tập kết vật liệu xây dựng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp trong quá trình triển khai Dự án, bảo đảm đạt các yêu cầu về nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất lượng nước mặt, không khí xung quanh và vệ sinh lao động; chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

h) Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa và giám sát, theo dõi liên tục các hiện tượng mất an toàn, biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sụt lở đất đá tại khu vực Dự án và lân cận trong quá trình xây dựng, vận hành; có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực đến môi trường.

i) Thực hiện giám sát điện từ trường bảo đảm tuân thủ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP, QCVN 25/2026/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.

k) Hoàn trả mặt bằng theo đúng quy định đối với diện tích đất bị thu hồi tạm thời để phục vụ thi công.

l) Thông tin rộng rãi cho chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi đường dây đi qua biết về các hoạt động thi công của Dự án; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án.

m) Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý, giám sát môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thanh tra, kiểm tra.

n) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình xây dựng, hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.